TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 547/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng

2. Bà Lê Thị Kim Em

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hoài Thu - *Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.*

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13/6/2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Nữ Quỳnh N(xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 35/12 đường Bế Văn Cấm, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lâm Hồng M (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 11/15 đường số 13, khu phố 2, phường Tân kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2019 của nguyên đơn bà Trần Nữ Quỳnh Như, các bản tự khai, biên bản hòa giải thể hiện nội dung vụ án như sau: Bà N và ông M tự nguyện tìm hiểu sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2004, sau đó đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126, quyển số 01/P13, ngày 27/9/2006. Do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, lục đục, mâu thuẫn kéo dài, đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Vào tháng 2/2019 Bà N đã gửi đơn đến Tòa án để ly hôn nhưng sau đó bà rút đơn để mong ông M thay đổi nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nên bà nhận thấy tình cảm không còn,

cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn với ông M.

Bà N với ông M có 02 con chung tên Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005, và Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012.

Bà N yêu cầu ông M là người trực tiếp nuôi con tên Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005 cho đến khi trẻ thành niên, Bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Bà N là người trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012 cho đến khi trẻ đủ tuổi thành niên, tôi không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 17/7/2019 ông Lâm Hồng M cũng có lời khai giống như Bà N về việc hai người tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, sau đó đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126, quyển số 01/P13, ngày 27/9/2006. Nay Bà N gửi đơn ly hôn ông M đồng ý ly hôn với Bà N, vì có mâu thuẫn và không thể sống chung được.

Về con chung: Ông M khai ông với Bà N có 02 con chung tên Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005, và Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012.

Ông M đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005 cho đến khi trẻ thành niên, ông M không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con.

Ông M đồng ý để Bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012 cho đến khi trẻ thành niên, ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Ông M yêu cầu được vắng mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Nữ Quỳnh Nyêu cầu được ly hôn với ông Lâm Hồng M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông Lâm Hồng M cư ngụ tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử vắng mặt các đương sự:

Bà Trần Nữ Quỳnh Nvà ông Lâm Hồng M có yêu cầu xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số hôn số 126, quyển số 01/P13 được Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, Thành

phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/9/2006, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Nữ Quỳnh Nvà ông Lâm Hồng M là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Bà N và ông M chung sống với nhau từ năm 2004 và đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2006. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, lục đục, mâu thuẫn kéo dài, đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Vào tháng 2/2019 Bà N đã gửi đơn đến Tòa án để ly hôn nhưng sau đó bà rút đơn để ông M thay đổi nhưng ông M vẫn không thay đổi. Nên Bà N yêu cầu được ly hôn ông M và ông M có lời khai cũng muốn được ly hôn với Bà N.

Xét, quan hệ vợ chồng giữa Bà N, ông M thường xuyên xung đột là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Bà N yêu cầu ly hôn với ông M và ông M cũng đồng ý ly hôn với Bà N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà N.

[2.3] Về con chung: Ông M, Bà N có 02 con chung tên Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005, và Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012.

Ông M đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005 cho đến khi trẻ thành niên, ông M không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con.

Bà N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012 cho đến khi trẻ thành niên, Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét, Bà N, ông M có hai con chung, mỗi người đều có nguyện vọng nuôi một con chung là hoàn toàn tự nguyện, và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Mặt khác trẻ Lâm Minh Q có nguyện vọng được ở với cha là ông M và trẻ Lâm Quỳnh P có nguyện vọng được ở với mẹ là Bà N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao trẻ Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005 cho ông Lâm Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên và giao trẻ Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012 cho bà Trần Nữ Quỳnh Ntrực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con và ngược lại, ông M cũng không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình khi ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 207, 228, 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Nữ Quỳnh Như.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Nữ Quỳnh Nđược ly hôn với ông Lâm Hồng M.

[1.2] Về con chung:

Giao trẻ Lâm Minh Q, sinh ngày 03/3/2005 cho ông Lâm Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ thành niên.

Giao trẻ Lâm Quỳnh P, sinh ngày 17/8/2012 cho bà Trần Nữ Quỳnh Ntrực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con và ngược lại, ông M cũng không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Nữ Quỳnh Như, ông Lâm Hồng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, không giải quyết.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Trần Nữ Quỳnh Nphải chịu. Bà Trần Nữ Quỳnh Nđã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0031252 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Nữ Quỳnh Nđã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND P.13, Q Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân